

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/DS-PT

Ngày 24/6/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bé.

*Các Thẩm phán:* Bà Thái Thị Phi Yến.

Ông Trần Hoài Sơn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Bà Võ Hồng Thắng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2019/DSST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 25/2020/TB-TA ngày 06/5/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 38/2020/QĐ-PT ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thanh G. Sinh năm 1991. Địa chỉ: K572/127 đường Ô, quận H, thành phố Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Tổ 44 phường C, quận T, thành phố Đ. (Theo văn bản uỷ quyền ngày 10/9/2019). *Có mặt*

- *Bị đơn*: Ông Trương Duy V, sinh năm: 1977 và bà Lê Thị Hồng H, sinh năm: 1983; Cùng địa chỉ: Số 209, đường L, tổ 07 phường T, quận T, thành phố Đ. Ông V vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H: Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Tầng 2, 454/18 đường N, phường H, quận H, thành phố Đ. (Theo văn bản uỷ quyền ngày 01/11/2019). *Có mặt*

- *Người kháng cáo*: Bà Lê Thị Hồng H là bị đơn trong vụ án.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh G trình bày*: Vào ngày 28/3/2019, vợ chồng ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H có mượn của ông Nguyễn Thanh G số tiền 1.000.000.000 đồng để làm ăn kinh doanh. Đến ngày 05/4/2019, vợ chồng ông V, bà H lại tiếp tục mượn của ông G số tiền 1.000.000.000 đồng và hẹn chậm nhất ngày 30/4/2019 sẽ trả cho ông G nhưng sau đó vẫn không thanh toán được. Đến ngày 11/7/2019, vợ chồng ông V, bà H lại tiếp tục mượn ông G số tiền 300.000.000 đồng và hẹn đến ngày 18/7/2019 sẽ thanh toán hết cho ông G tổng số tiền là 2.300.000.000 đồng. nhưng ông bà vẫn không thanh toán được. Ngày 22/7/2019, vợ chồng ông V, bà H thỏa thuận và thống nhất chuyển nhượng cho ông 03 lô đất liền kề với số tiền 12.000.000.000 đồng, ông G đặt cọc trước số tiền 2.300.000.000 đồng, bao gồm các lô đất như sau:

- Thửa đất số 85, tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 3 khu B12-19 khu đô thị Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CK 327271

được UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017 đứng tên ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H.

- Thửa đất số 84, tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 2 khu B12-19 khu đô thị Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CK 327270 được UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017 đứng tên ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H.

- Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 4 khu B12-19 khu đô thị Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CK 327272 được UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017 đứng tên ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H.

Ba lô đất hiện đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Đà Nẵng, theo hợp đồng thế chấp số: 0051900042700 ngày 26/3/2019 để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Trương V. Ngày 23/7/2019, vợ chồng ông V, bà H cam kết ủy quyền cho ông G rút tài sản và xóa thế chấp tại Ngân hàng để ra công chứng và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thời gian công chứng chậm nhất là 22/8/2019. Nhưng trong suốt thời gian đó, vợ chồng ông V, bà H tránh mặt, không gặp ông G để giải quyết vụ việc trên như đã thỏa thuận. Do đó, ông G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông V, bà H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng 03 lô đất trên nhưng thời gian vừa qua ông G phát hiện vợ chồng ông V, bà H đã bán lô đất thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 147 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CK 327270 cho người khác nên việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng là không thể thực hiện được. Do đó, ông G thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông V, bà H trả lại cho ông G số tiền đặt cọc là 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

- **Bị đơn là ông Trương Duy V trình bày:** Ông xác nhận có việc ông vay mượn của ông Nguyễn Thanh G nhiều lần với tổng số tiền 2.300.000.000 đồng. Do không có khả năng trả nợ nên ông và bà Lê Thị Hồng H thống nhất chuyển

nhượng cho ông G 03 lô đất liền kề với số tiền 12.000.000.000 đồng, ông G đặt cọc trước số tiền 2.300.000.000 đồng, bao gồm các lô đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông như ông G trình bày. Tuy nhiên, 3 lô đất hiện đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Đà Nẵng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Trương V. Vợ chồng ông có cam kết ủy quyền cho ông G rút tài sản và xóa thế chấp tại Ngân hàng để ra công chứng và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thời gian công chứng chậm nhất là 22/8/2019. Nhưng sau đó đến nay ông vẫn không thể thực hiện được hợp đồng đặt cọc. Mặc dù hiện nay ông và bà Lê Thị Hồng H đã ly hôn theo Quyết định của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê nhưng khoản nợ trên là nợ trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông nên là nợ chung của vợ chồng. Do đó, ông đề nghị ông và bà Lê Thị Hồng H cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho ông G, mỗi người trả 1/2 tổng số tiền, chia phần ông trả 1.150.000.000đ (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) và bà H trả cho ông G số tiền 1.150.000.000 đồng còn lại.

**- Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Hồng H là ông Nguyễn Tiến T trình bày:** Bà Lê Thị Hồng H và ông Trương Duy V nguyên trước đây là vợ chồng. Tuy nhiên, bà và ông V đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 193/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Mặc dù việc vay mượn số tiền 2.300.000.000 đồng giữa ông G và ông V là trong quá trình hôn nhân nhưng ông V mượn tiền với mục đích làm gì, giao nhận tiền như thế nào bà H hoàn toàn không biết. Việc bà H ký vào các giấy tờ vay mượn và giấy nhận cọc, bà H xác định bà có ký nhưng trong tình trạng bị ông G uy hiếp về mặt tinh thần khiến bà H hoảng sợ nên bà H mới ký vào. Do đó, việc ông G khởi kiện yêu cầu bà H và ông V phải trả số tiền 2.300.000.000 đồng thì bà H không đồng ý.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2019/DSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng đã xử và quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 328 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh G về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" đối với ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H. Xử:

1. Buộc ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H thanh toán cho ông Nguyễn Thanh G số tiền 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H mỗi người có trách nhiệm trả một nửa tương ứng số tiền 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST: Buộc ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H mỗi người phải chịu 46.500.000 đồng. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh G số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005081 ngày 29/8/2019 và số tiền tạm ứng án phí 38.700.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005141 ngày 16/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/12/2019, bà Lê Thị Hồng H có đơn gửi đến Tòa án kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Bà không nhận được bất kỳ khoản tiền nào trong số tiền 2.300.000.000 đồng mà ông G khởi kiện. Việc giao nhận tiền giữa ông G và ông V diễn ra như thế nào bà không rõ. Trong hợp đồng vay tiền ngày 28/3/2019 thể hiện 2 màu mực được ghi vào 2 thời điểm khác nhau chứng tỏ có sự ép buộc bà phải viết giấy nợ vào các thời điểm phải xác nhận mức lãi suất mới gộp thành tiền vay. (Toàn bộ sự việc nhóm này có đến nhà bà gây áp lực đã được camera ghi lại và việc gây áp lực này còn thể hiện qua các đoạn ghi âm điện thoại). Số tiền nhận nợ thêm 300.000.000 đồng theo hợp đồng

vay tiền ngày 11/7/2019 cũng do nhóm xã hội đen của ông G ép buộc bà ký nhận. Do đó, cần xác định là khoản nợ riêng của cá nhân ông Trương Duy V, không phải khoản nợ của cá nhân bà nên đề nghị buộc ông V phải có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ cho ông G; xem xét số tiền thực sự ông V nhận nợ từ ông G. Tạm đình chỉ xét xử vụ án để chuyển hồ sơ cho cơ quan cảnh sát điều tra có thẩm quyền để điều tra về hành vi ép buộc thực hiện hợp đồng, hành vi cho vay nặng lãi của ông G và các bên liên quan.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông Trương Duy V nhận các văn bản tố tụng của Tòa án theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp nhưng đến giai đoạn phúc thẩm, ông V thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiến hành niêm yết và tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V vắng mặt 2 lần. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Lê Thị Hồng H thì thấy: Ngày 28/3/2019, ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H là vợ chồng có vay của ông Nguyễn Thanh G 1.000.000.000 đồng. Ngày 05/4/2019, có mượn thêm 1.000.000.000 đồng. Ngày 11/7/2019, ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H có lập hợp đồng vay tiền của ông Nguyễn Thanh G 300.000.000 đồng. Đến ngày 22/7/2019, ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H cùng đồng thuận bán cho ông Nguyễn Thanh G 3 lô đất: Thửa đất số 85, tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 3 khu B12-19 khu đô thị Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CK 327271 được UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017; Thửa đất số 84,

tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 2 khu B12-19 khu đô thị Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CK 327270 được UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017; Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 147 tọa lạc tại địa chỉ Lô 4 khu B12-19 khu đô thị Phước Lý, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CK 327272 được UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/12/2017. Cả 3 lô đất đứng tên ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H, với giá chuyển nhượng là 12.000.000.000 đồng. Ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H đã nhận tiền đặt cọc 2.300.000.000 đồng. Số tiền còn lại được thanh toán vào ngày công chứng mua bán. Ba lô đất đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Đà Nẵng, theo hợp đồng thế chấp số: 0051900042700 ngày 26/3/2019 để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Trương V. Ngày 23/7/2019, vợ chồng ông V, bà H cam kết ủy quyền cho ông G rút tài sản và xóa thế chấp tại Ngân hàng để ra công chứng và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thời gian công chứng chậm nhất là 22/8/2019. Ngày 23/8/2019, ông G làm đơn khởi kiện yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng 3 lô đất trên. Ngày 16/9/2019, ông G làm đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện tranh chấp đòi tiền đặt cọc. Xét thấy thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông G vẫn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với số tiền đặt cọc 2.300.000.000 đồng, HDXX xét thấy: Thực chất số tiền 2.300.000.000 đồng là số tiền vay mượn của vợ chồng ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H đối với ông Nguyễn Thanh G trong thời kỳ hôn nhân được thể hiện tại giấy vay tiền 1.000.000.000 đồng ngày 28/3/2019; mượn thêm 1.000.000.000 đồng vào ngày 05/4/2019 và ngày 11/7/2019 vay mượn 300.000.000 đồng. Tổng cộng 2.300.000.000 đồng. Ngày 31/5/2019, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự đối với ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H, trong đó về quan hệ tài sản chung và nợ chung, ông V và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu

giải quyết. Đến ngày 22/7/2019, số tiền 2.300.000.000 đồng đã được ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H thống nhất chuyển thành số tiền đặt cọc để ông Nguyễn Thanh G thực hiện giao dịch hợp đồng chuyển nhượng đối với 3 lô đất mà vợ chồng ông V và bà H đang quản lý, sở hữu. Như vậy, từ giai đoạn vay mượn tiền của ông G, bà H và ông V vẫn tồn tại quan hệ vợ chồng, bà H thừa nhận bà có ký vào 3 giấy vay mượn tiền trong khoảng thời gian khác nhau nhưng thực chất là cùng một thời điểm và không trực tiếp nhận tiền. Bà thừa nhận đối với giấy vay tiền 1.000.000.000 đồng bà ký trong tình trạng không bị ép buộc nhưng so suất không đọc mà ký, còn các giấy vay tiền khác bà cho rằng bà bị nhóm xã hội đen do ông G cầm đầu ép buộc bà ký nên tại phiên tòa phúc thẩm bà đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ tại cơ quan Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Sau khi ngừng phiên tòa, kết quả điều tra, xác minh tại cơ quan Công an quận Thanh Khê cung cấp như sau: “Công an quận Thanh Khê thụ lý hồ sơ của ông Trương Duy V với ông Lê Quang Dũng trú tại 249 đường Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng trong vụ việc chiếm đoạt 1.000.000.000 đồng qua việc chuyển nhượng 01 lô đất tại Phước Lý. Tuy nhiên, vụ việc không hề liên quan gì đến ông Nguyễn Thanh G và bà Lê Thị Hồng H. Ngoài ra, không có đơn tố cáo nào liên quan đến ông Nguyễn Thanh G với nội dung như bà H khai nại”. Xét thấy không có việc ông Nguyễn Thanh G ép buộc bà H ký vào giấy vay tiền và giấy đặt cọc. Do đó, không thể xem đây là nợ cá nhân của ông V như bà H khai nại.

[4] Mặt khác, ông V cũng là người xác nhận vợ chồng bà H và ông V có nợ của ông G số tiền 2.300.000.000 đồng và yêu cầu buộc bà H phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông V trả nợ cho ông G. Đồng thời, việc vay tiền đã được ông V, bà H chuyển thành số tiền đặt cọc để ông G thực hiện việc chuyển nhượng 3 lô đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông V, bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cũng không chứng minh được ông G cho vay nặng lãi, đồng thời giấy vay tiền cũng không thể hiện tiền lãi và được ông V thừa nhận. Do đó, đây là quan hệ dân sự và việc bà H đề nghị chuyển cho cơ quan điều tra là hoàn toàn không có cơ sở.



[5] Từ những phân tích trên, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Hồng H.

[6] Về án phí DSST: Ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Lê Thị Hồng H phải chịu án phí DSPT.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên án sơ thẩm với nội dung không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Hồng H.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 296, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 288, Điều 328 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Hồng H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2019/DSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh G về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" đối với ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H. Xử: Buộc ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh G số tiền 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng. Chia phần ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H mỗi người có trách nhiệm trả

một nửa tương ứng số tiền 1.150.000.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.2. Án phí DSST: Ông Trương Duy V và bà Lê Thị Hồng H mỗi người phải chịu 46.500.000 đồng. (Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh G số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005081 ngày 29/8/2019 và số tiền tạm ứng án phí 38.700.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005141 ngày 16/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, Tp Đà Nẵng.

2.3. Án phí DSPT: Bà Lê Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001567 ngày 10/12/2019 của cơ quan Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Thanh Khê;
- Chi cục THA dân sự quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Bé**

